

LÃI SUẤT TÍN DỤNG BẰNG LÃI SUẤT TIẾT KIỆM NGÂN HÀNG VẪN CÓ LỜI?

BỬU THÙY

Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất tín dụng vẫn luôn luôn được ấn định cao hơn lãi suất tiết kiệm từ 0,5 điểm đến 1,5 điểm. Chưa có trường hợp lãi suất tín dụng bằng lãi suất tiết kiệm. Nếu có trường hợp đặc biệt ưu đãi cho một ngành nào đó do quy định của chính sách, sự chênh lệch âm giữa lãi suất tín dụng và lãi suất tiền gửi được nhà nước bù lỗ bằng quỹ tài trợ. Đó là sự kiện thuận lý, tất nhiên đã trở thành nguyên lý cho đến ngày nay. Tại nước ta, quyết định QĐ 184 QĐ.NH1 1993 Ngân hàng nhà nước ấn định lãi suất cho vay ngắn hạn 3 tháng là 2,1% tháng, lãi suất tiền gửi hạn kỳ 3 tháng là 1,4% sai biệt $2,1 - 1,4 = +0,7$ điểm. Tuy vậy, nguyên lý vẫn thường có đảo đũa, khởi phát từ những suy luận của lý trí mà tính chính xác sẽ cao nếu sự trừu tượng của lý thuyết được minh định bằng các số liệu cụ thể.

Trước khi đi vào phân tích, xin sơ lược vài nét chung nhất của hiện tượng lãi suất.

Ở các nước đang phát triển, luôn luôn có tình trạng thiếu vốn triển miên, mức cung thị trường vốn và tiền tệ quá kém lãi suất ký thác thường cao kéo theo lãi suất tín dụng phải cao. Việc hạ lãi suất cho vay để bành trướng tín dụng của các ngân hàng thương mại tuy có nhưng chưa mang tính sống còn, đó là tình hình hoạt động của các NHTM nước ta hiện nay. Tuy vậy việc hạ lãi suất chắc chắn là vấn đề phải đặt ra trong thời gian tới khi các NHTM nước ngoài bành trướng hoạt động.

Tại các nước đã phát triển, thị trường vốn dồi dào, việc ước lượng được một lãi suất dùng làm phương tiện cạnh tranh mà ngân hàng vẫn có lời được mang tính cấp thiết trong việc giải phóng được số thặng dư dự trữ phải chịu phí tổn đồng thời tăng thêm lợi nhuận cho ngân hàng. Lãi suất tín dụng thấp rõ ràng là một lợi khí vô cùng sắc bén.

Từ đó vấn đề được đặt ra, lãi suất tín dụng nếu hạ được sẽ đến mức độ nào? Có hay không có một trường hợp một lãi suất tín dụng bằng lãi suất tiết kiệm mà NH vẫn có lời?

Để hạn chế sự phức tạp, xin được giới hạn một số yếu tố có ảnh hưởng đến lãi suất nhưng chưa đưa vào phương trình như hệ số rủi ro tín dụng, sự gia tăng hay giảm của lạm phát làm biến đổi lãi suất thực.

Trong quản trị kinh doanh, để tồn tại, các công ty luôn luôn phải tuân thủ nguyên tắc chung: Doanh lợi thu được, trừ phí tổn phải bằng hoặc lớn hơn 0. Gọi Y là tổng phí, Y' là doanh lợi thu được, ta có phương trình sau:

$$Y' - Y \geq 0 \quad (1)$$

Các phí tổn phát sinh trong quá trình hoạt động của ngân hàng có thể liệt kê như sau:

- Lãi suất trả cho các trường mục không kỳ hạn (ký hiệu là r_1 còn k_1 là độ lớn bằng mệnh giá tồn khoản đó) do đó tổng phí tổn trả cho khoản mục này là $r_1 k_1$ (hiện nay $r_1 = 0,7\%$ tháng).

- Lãi suất trả cho các trường mục có kỳ hạn (ký hiệu là r_2 , còn k_2 là độ lớn bằng mệnh giá tồn khoản đó) do đó tổng phí tổn trả cho khoản mục này là $r_2 k_2$ (hiện nay $r_2 = 1,4\%$ tháng).

- Các phí tổn khác (gồm quản trị, thuế...) gọi là B.

Thông thường, phí tổn phải trả cho các trường mục ký thác bằng 50% tổng phí (1) do đó ta có $r_1 k_1 + r_2 k_2 = B$ hay tổng phí $Y = 2(r_1 k_1 + r_2 k_2)$ (2)

Doanh lợi ngân hàng thu được gọi là Y' gồm:

- Gọi r_x là lãi suất tín dụng NH áp dụng sau khi thương lượng với khách hàng, doanh lợi sẽ thu được phát sinh khi ngân hàng dùng các khoản khách hàng ký thác để cho vay. Do đó:

$$Y' = r_x (k_1 + k_2)$$

Nhưng NHTM không sử dụng hết được số tiền gửi của khách vì bị quy định bởi tỷ lệ dự trữ pháp định của NHNN, giả định 10% trên tổng số ký thác. Do đó:

$$Y' = \frac{r_x (k_1 + k_2) \times 9}{10} \quad (3)$$

- Ngân hàng còn có các lợi tức khác do các dịch vụ mà nó cung cấp cho cộng đồng mà nó phục vụ, tình trạng này chỉ xảy ra khi NHTM đa dạng hóa được nghiệp vụ, hiện nay, tại nước ta ngoài lợi tức cho vay, lợi tức từ các nghiệp vụ khác chưa đáng kể (2) do đó lợi tức khác xem như không có và không đưa vào phương trình.

Theo phương trình (1) ta có

$Y' - Y \geq 0$. Thế phương trình (2) và (3) ta có:

$$\frac{r_x (k_1 + k_2) \times 9}{10} - 2(r_1 k_1 + r_2 k_2) \geq 0$$

$$r_x (k_1 + k_2) \times 9 \geq 2(r_1 k_1 + r_2 k_2) \quad 10$$

Suy ra để có thể tồn tại được lãi suất cho vay của NH sẽ là:

$$R_x \geq \frac{2(r_1 k_1 + r_2 k_2) \times 10}{(k_1 + k_2) \times 9} \quad (4)$$

Như đã nói, k_1, k_2 là độ lớn các trường mục hạn kỳ và hoạt kỳ, nếu gọi K là tổng nguồn vốn thì $(k_1 + k_2)$ là cấu trúc của K, k_1, k_2 có thể thay đổi trong khi có thể K vẫn giữ nguyên trong trường hợp có sự di chuyển vốn từ ký thác hoạt kỳ sang có kỳ hạn và ngược lại. Để tránh phức tạp, chúng ta sẽ khảo sát sự biến thiên của lãi suất trong một số trường hợp có sự thay đổi cấu trúc nguồn vốn trên giả định đó.

1. Nếu cấu trúc nguồn vốn K với tỷ số độ lớn của ký thác có kỳ hạn gấp 3 lần độ lớn ký thác không kỳ hạn, trường hợp này xảy ra ở các nước đã phát triển có lợi tức đầu người cao khoảng 3000 USD/năm trở lên (3). Như vậy giả định số tương đối của $k_1 = 25.000, k_2 = 75.000$. Với lãi suất áp dụng hiện tại là $r_1 = 0,7\%, r_2 = 1,4\%$. Thế các số liệu trên vào công thức (4) ta có:

$$R_x \geq \frac{2 \left(\frac{7}{1000} \times 25000 + \frac{14}{1000} \times 75000 \right) \times 10}{100000 \times 9} = \frac{44500}{900000} = 4,94\%$$

2. Nếu cấu trúc K là 1/1 nghĩa là tính cấu trúc 50% vốn không kỳ hạn, 50% vốn có hạn kỳ (đa số các NHTM tại TP HCM ở trường hợp này)

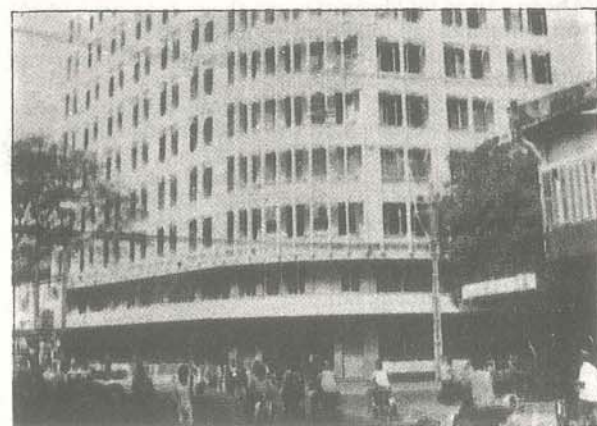
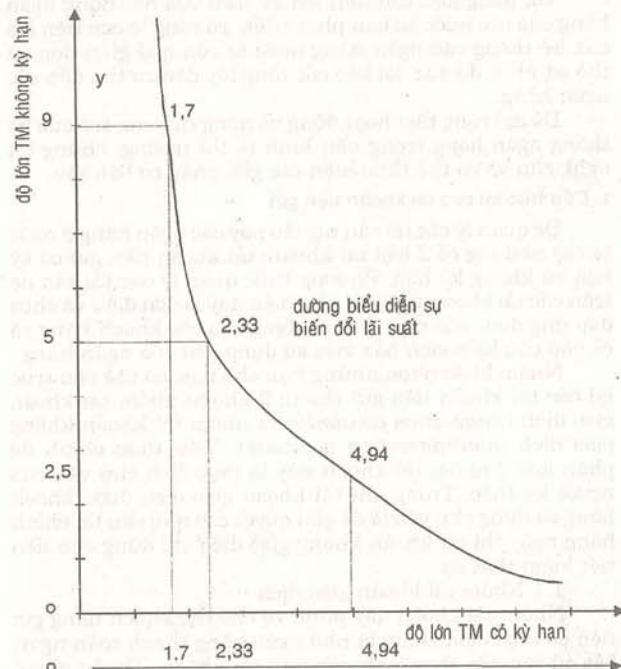
$$rx \geq \frac{2 \left(\frac{7}{1000} \times 50000 + \frac{14}{1000} \times 50000 \right) \times 10}{100000 \times 9} = \frac{21000}{900000} = 2,33\%$$

3. Nếu cấu trúc K là 9/1 nghĩa là 90% ký thác không kỳ hạn và 10% ký thác có kỳ hạn (giống cấu trúc của Sài Gòn Công thương NH)

Ta có:

$$rx \geq \frac{2 \left(\frac{7}{1000} \times 90000 + \frac{14}{1000} \times 10000 \right) \times 10}{100000 \times 9} = \frac{15400}{900000} = 1,7\%$$

Từ các tính toán trên, chúng ta thấy, độ lớn ký thác không kỳ hạn càng cao lãi suất cho vay càng thấp và ngược lại. Dùng đồ thị để vẽ đường biểu diễn sự thay đổi lãi suất với sự thay đổi cấu trúc vốn tương ứng với các số liệu trên. Vì lãi suất biến đổi ngược với độ lớn các trương mục không hạn kỳ nên đường biểu diễn của nó là đường hyperbol với 2 tiệm cận là ox, oy.



Chiều đường biểu diễn lãi suất trên 1 trục phẳng để dễ khảo sát.

Khảo sát đồ thị, chúng ta sẽ thấy rõ có sự hiện diện một khoảng dần bé ở đó lãi suất đi từ 0 tới 1,7% trong đó đi qua điểm của lãi suất tiết kiệm 1,4% tương ứng với 1 độ lớn chưa xác định của k1 có khả năng có thể có của cấu trúc vốn. Thử ước tính độ lớn này.

Từ trường hợp (3) với cấu trúc 3/1 đã tính ra lãi suất tương ứng là 1,7%. Như vậy Y' doanh lợi sẽ đạt được tính theo công thức (3) là Y' = $\frac{rx(k1 + k2) 9}{10}$

$$Y' = \frac{1,7 (100.000) \times 9}{10} = \frac{170.000 \times 9}{10} = \frac{1.530.000}{10} = 153.000$$

Bây giờ để giữ nguyên doanh lợi 153.000 trên với một lãi suất tín dụng là 1,30% nhỏ hơn lãi suất tiết kiệm 1,4%, sai biệt lãi suất tín dụng và lãi suất tiết kiệm là 1,30 - 1,40 = - 0,1 điểm. k2 giữ nguyên là 10.000, chúng ta sẽ tính ra độ lớn tương ứng của k1 như sau.

$$\begin{aligned} 153.000 &= \frac{1,30 (k1 + 10.000) 9}{10} \\ 10 \times 153.000 &= (1,30 k1 + 10.000) 9 \\ 1.530.000 &= 11,7k1 + 90.000 \\ k1 &= \frac{1.530.000 - 90.000}{11,7} = \frac{1.440.000}{11,7} \\ \text{Độ lớn } k1 &= 123.076 \\ K &= k1 + k2 = 123076 + 10.000 = 133.076 \\ k1 &= \frac{123076}{133076} \approx 92,5\% \end{aligned}$$

Như vậy, rõ ràng khả năng tồn tại một lãi suất tín dụng bằng lãi suất tiết kiệm mà NH vẫn có lời được đã xác định, nếu độ lớn của ký thác không hạn kỳ từ 92,5% trở lên trên tổng số ký thác, chưa kể các lợi tức khác.

Trong thời gian tới, sự cạnh tranh chắc chắn sẽ xảy ra, lợi khí sắc bén vẫn là lãi suất tín dụng, tùy trường hợp, hạ lãi suất tín dụng đến mức độ nào + bao nhiêu điểm so với lãi suất tiết kiệm để NH vẫn có lời theo ý muốn có thể tính được bằng các phương pháp trên ♣

- (1) Edward W.Reed, Edward K.kill, Ngân hàng thương mại (bản dịch của PTS Lê Văn Tê.
- (2) Báo cáo tháng 2.94 NHNNVN.
- (3) Thống kê Ngân hàng thế giới.